

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 – 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	7 – 46
<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>07 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>14 – 45</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>46</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Petro Times (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Petro Times tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Vật tư Dầu khí Hải Phòng, được thành lập vào ngày 13/10/2015 theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0201651354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và được Bộ Công thương cấp giấy phép kinh doanh xăng dầu số 113/GCNĐDK-SCT ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 được cấp ngày 14 tháng 07 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 196.449.230.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2026: 196.449.230.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 54 phố Tiền Phong, phường Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : 0225.3625882

Email : info.petrotimes@gmail.com

Mã số thuế : 0 2 0 1 6 5 1 3 5 4

Tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 46).

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

HĐQT và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Kỳ	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Ly	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Song	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Cao Thị Phương	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hồ Thị Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thà	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Ly	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Thu Phương	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Công bố trách nhiệm của Ban Lãnh đạo đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES
BẢO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Thay mặt Ban Lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Kỳ

Số : 0707.02.01/2026/BCTC-NTVHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Petro Times

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Petro Times được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Petro Times tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Phó Giám đốc



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		274.614.943.582	325.728.350.316
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.169.780.504	58.046.744.219
1. Tiền	111		59.169.780.504	58.046.744.219
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.412.385.315	27.821.788.492
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	17.412.385.315	27.821.788.492
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.037.195.443	97.581.887.805
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	148.056.843.125	90.212.976.781
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.360.870.496	270.562.415
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	35.005.000.000	14.056.915.316
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(8.385.518.178)	(6.958.566.707)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	16.120.727.678	140.462.169.488
1. Hàng tồn kho	141		16.120.727.678	140.462.169.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		3.874.854.642	1.815.760.312
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	212.626.454	403.561.890
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		3.642.937.873	1.412.198.422
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	19.290.315	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163.968.004.932	180.277.775.702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		82.715.516.812	63.182.371.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.219.841.424	8.952.399.952
- Nguyên giá	222		16.277.710.564	16.277.710.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.057.869.140)	(7.325.310.612)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74.495.675.388	54.229.971.802
- Nguyên giá	228		74.626.161.100	54.343.371.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.485.712)	(113.399.998)
III Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	80.337.990.895	101.475.413.961
- Nguyên giá	241		80.557.245.700	101.658.920.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(219.254.805)	(183.506.739)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	14.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	-	14.700.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	270		914.497.225	919.989.987
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	914.497.225	919.989.987
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		438.582.948.514	506.006.126.018

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		180.847.803.549	304.123.350.329
I. Nợ ngắn hạn	310		180.847.803.549	284.123.350.329
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	1.251.691.647	1.003.445.508
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.464.265.590	13.142.615.979
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	13.370.839.261	1.153.676.183
5. Phải trả người lao động	315		646.057.966	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	163.144.475	283.236.702
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		9.000.000	9.000.000
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16	157.942.804.610	268.531.375.957
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	20.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	-	20.000.000.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu trư đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		257.735.144.965	201.882.775.689
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	196.449.230.000	196.449.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.449.230.000	196.449.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(134.050.000)	(134.050.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		61.419.964.965	5.567.595.689
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		5.567.595.689	938.988.113
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		55.852.369.276	4.628.607.576
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		438.582.948.514	506.006.126.018

Vũ Thị Phương
Người lập biểuPhạm Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Phạm Văn Kỳ
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.471.265.608.935	2.009.908.918.562
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.474.241.723	291.528.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.467.791.367.212	2.009.617.389.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.372.785.297.201	1.988.974.903.395
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.006.070.011	20.642.486.440
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21	VI.4	128.325.000	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	1.171.570.206	3.748.255.887
8. Chi phí tài chính	23	VI.6	10.351.358.795	6.952.850.925
Trong đó: chi phí đi vay	24		8.898.583.818	6.850.756.902
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	11.820.094.835	8.403.931.969
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	4.253.381.288	2.357.673.409
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.881.130.299	6.676.286.024
12. Thu nhập khác	31		5	-
13. Chi phí khác	32	VI.9	52.534.968	-
14. Lợi nhuận khác	40		(52.534.963)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69.828.595.336	6.676.286.024
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	13.976.226.060	1.335.257.205
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.852.369.276	5.341.028.819
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.843	272
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.843	272

Vũ Thị Phương
Người lập biểuPhạm Thị Thu Phương
Kế toán trưởng

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Phạm Văn Kỳ
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.828.595.336	6.676.286.024
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		785.392.308	814.014.120
- Các khoản dự phòng	03		1.426.951.471	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.171.570.206)	(406.255.887)
- Chi phí đi vay	06		8.898.583.818	6.850.756.902
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.767.952.727	13.934.801.159
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(83.219.017.052)	(6.848.157.823)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		124.341.441.810	2.009.180.370
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(24.871.911.868)	24.891.993.190
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		196.428.198	68.954.801
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(9.018.676.045)	(6.632.423.243)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.761.794.221)	(1.056.466.657)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		85.434.423.549	26.367.881.797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.789.300)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.435.616.438	18.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(14.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.141.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		204.356.945	1.706.174.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.277.184.083	(2.993.825.209)

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		554.072.213.330	593.383.887.346
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(664.660.784.677)	(611.080.702.366)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(110.588.571.347)	(17.696.815.020)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.123.036.285	5.677.241.568
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	58.046.744.219	52.351.155.988
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	59.169.780.504	58.028.397.556

Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương
Kế toán trưởng



Cập, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Phạm Văn Kỳ
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Petro Times tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Vật tư Dầu khí Hải Phòng, được thành lập vào ngày 13/10/2015 theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0201651354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp và được Bộ Công thương cấp giấy phép kinh doanh xăng dầu số 113/GCNĐBK-SCT ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 được cấp ngày 14 tháng 07 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 196.449.230.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2026: 196.449.230.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 54 phố Tiền Phong, phường Hải An, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0225.3625882
Email : info@petrotimesgroup.com
Mã số thuế : 0201651354

2. Lĩnh vực kinh doanh : Buôn bán sản phẩm xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Trong 6 tháng đầu năm 2026 Công ty được hưởng lợi từ biến động mạnh của giá xăng dầu trên thị trường, trong bối cảnh cuộc xung đột tại khu vực Trung Đông làm ảnh hưởng đến nguồn cung và mặt bằng giá xăng dầu biến động. Diễn biến này tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Doanh nghiệp có 39 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 34 nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2026, do vậy số liệu BCTC cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán = Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm - Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm X Giá chứng khoán thực tế trên thị trường

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

A, Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	10
Tài sản cố định khác	05

B, Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 - 07 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp là quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

C, Bất động sản đầu tư (BĐSDT)

BĐSDT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà và tài sản trên đất	25

Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty thực hiện đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

D, Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1./.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.184.606.784	3.276.556.536
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	56.985.173.720	54.770.187.683
Cộng	59.169.780.504	58.046.744.219

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	32.001.578.155	34.609.648.431
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23.619.184.421	20.004.965.322
Các ngân hàng khác	1.364.411.144	155.573.930
Cộng	56.985.173.720	54.770.187.683

2. Đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	17.412.385.315	17.412.385.315	27.821.788.492	27.821.788.492
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	17.022.400.000	17.022.400.000	27.522.400.000	27.522.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	6.522.400.000	6.522.400.000	6.522.400.000	6.522.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	2.500.000.000	2.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm	389.985.315	389.985.315	299.388.492	299.388.492
Cộng	17.412.385.315	17.412.385.315	27.821.788.492	27.821.788.492

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng tại các Ngân hàng và đang được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng này.

b. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	14.700.000.000	14.700.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Năng lượng Thế Kỳ (**)	-	-	14.700.000.000	14.700.000.000
Cộng	-	-	14.700.000.000	14.700.000.000

(**) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2026/HĐCNCP/PPT ngày 02/02/2026 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trên cho Ông Phạm Quang Hưng với giá 10.300 đồng/cổ phiếu tương đương 15.141.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	16.289.726.053
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Năng lượng Thế Kỳ	-	16.289.726.053
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	148.056.843.125	73.923.250.728
Cty Cổ phần Tập đoàn Alpha Petro	19.147.274.585	11.828.133.235
Công ty cổ phần Siêu thị Xăng dầu	19.636.790.605	16.572.979.075
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Năng lượng Thế Kỳ	17.830.071.293	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Năng lượng Toàn Cầu	16.820.522.130	953.641.890
Công ty TNHH Năng lượng & Đầu tư Sen Vàng	16.775.263.200	538.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế An Bảo Tín	2.149.229.807	14.498.820.557
Các khách hàng khác	55.697.691.505	29.531.325.971
Cộng	148.056.843.125	90.212.976.781

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3.360.870.496	270.562.415
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.999.956.320	80.188.543
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần tại Miền Bắc	1.000.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu HFC tại Hải Phòng.	50.693.020	42.277.513
Các nhà cung cấp khác	310.221.156	148.096.359
Cộng	3.360.870.496	270.562.415

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	35.005.000.000	-	14.056.915.316	-
Ông Phạm Văn Thuận - Đặt cọc mua cây xăng Gia Nghĩa 20 (1)	20.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Petro - Đặt cọc mua cây xăng Gia Nghĩa 15 (2)	15.000.000.000	-	-	-
Ông Phạm Văn Hùng - Đặt cọc mua cây xăng Tả Đùng (3)	-	-	14.000.000.000	-
Đặt cọc thuê máy	5.000.000	-	-	-
Phải thu các cây xăng bán lẻ	-	-	56.915.316	-
Cộng	35.005.000.000	-	14.056.915.316	-

- (1) Là khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất tại Thôn 3, xã Quảng Tín, tỉnh Lâm Đồng ngày 09 tháng 03 năm 2026 giữa Ông Phạm Văn Thuận và Công ty Cổ phần Petro Times với tổng giá trị chuyển nhượng là 29.300.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (2) Là khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Bon Jang Plây 3, xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng ngày 28 tháng 06 năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Petro và Công ty Cổ phần Petro Times với tổng giá trị chuyển nhượng là 30.000.000.000 VND.
- (3) Là khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Xã Đắc Som, huyện Đăk Glong, tỉnh Lâm Đồng ngày 22 tháng 09 năm 2025 giữa ông Phạm Văn Hùng và Công ty Cổ phần Petro Times với tổng giá trị chuyển nhượng là 35.000.000.000 VND. Theo Văn bản hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15 tháng 05 năm 2026 thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông Phạm Văn Hùng đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền cọc nêu trên.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	(6.958.566.707)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.766.951.471)
Hoàn nhập dự phòng	340.000.000
Số cuối kỳ	(8.385.518.178)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục 01.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	16.120.727.678	-	140.462.169.488	-
Cộng	16.120.727.678	-	140.462.169.488	-

8. Chi phí chờ phân bổ

a, Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí mua bảo hiểm	35.429.836	190.890.227
Công cụ dụng cụ xuất dùng	104.355.480	157.116.109
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	72.841.138	55.555.554
Cộng	212.626.454	403.561.890

b, Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	445.480.438	596.213.573
Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	246.818.176	267.272.722
Thiết bị kết nối tự động xuất hóa đơn	187.354.171	-
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	24.844.440	56.503.692
Cộng	914.497.225	919.989.987

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.004.679.541	760.000.000	12.140.764.895	372.266.128	16.277.710.564
Số cuối kỳ	3.004.679.541	760.000.000	12.140.764.895	372.266.128	16.277.710.564
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	111.061.440	180.000.000	291.061.440
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	540.631.397	265.999.986	6.243.545.011	275.134.218	7.325.310.612
Khấu hao trong kỳ	71.072.214	37.999.998	610.735.164	12.751.152	732.558.528
Số cuối kỳ	611.703.611	303.999.984	6.854.280.175	287.885.370	8.057.869.140
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.464.048.144	494.000.014	5.897.219.884	97.131.910	8.952.399.952
Số cuối kỳ	2.392.975.930	456.000.016	5.286.484.720	84.380.758	8.219.841.424

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.267.198.182 VND và 4.754.931.733 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng và ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.141.371.800	202.000.000	54.343.371.800
Tăng trong kỳ	20.282.789.300	-	20.282.789.300
Số cuối kỳ	74.424.161.100	202.000.000	74.626.161.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	113.399.998	113.399.998
Khấu hao trong kỳ	-	17.085.714	17.085.714
Số cuối kỳ	-	130.485.712	130.485.712
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	54.141.371.800	88.600.002	54.229.971.802
Số cuối kỳ	74.424.161.100	71.514.288	74.495.675.388

(*) Bao gồm quyền sử dụng đất tại các địa chỉ sau:

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 18, lô LK6, khu đô thị ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CY537566 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần Petro Times ngày 06 tháng 10 năm 2021. Giá trị ghi sổ của QSDĐ là 6.367.100.000 VND. Quyền sử dụng đất đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 06, tờ bản đồ số 23, địa chỉ xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CH001091, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 11.594.825.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 48, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn 1, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS05431, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.295.490.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 116, tờ bản đồ số 59, địa chỉ Thôn 3, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS450057, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 16.529.660.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa 17, lô LK6, khu đô thị ven sông Lạch Tray, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD 570888, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 14.354.296.800 VND. Quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 127, diện tích 3422.7m² tại địa chỉ: Thôn Đắc Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng. Số bìa AA 02732381 cấp 25.08.2025, sổ CN 3429. Giá trị ghi sổ của QSDĐ là 2.257.855.637 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 127, diện tích 302.8m² tại địa chỉ: Thôn Đắc Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng. Số bìa AA 01878581 cấp 27.11.2025, sổ VP 196. Giá trị ghi sổ của QSDĐ là 2.937.443.602 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 295, tờ bản đồ số 127, diện tích 298.6m² tại địa chỉ: Thôn Đắc Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng. Số bìa AA 01878582 cấp 27.11.2025, sổ VP 197. Giá trị ghi sổ của QSDĐ là 2.896.437.449 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 296, tờ bản đồ số 127, diện tích 591.5m² tại địa chỉ: Thôn Đắc Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng. Số bìa AA01878583 cấp 27.11.2025, sổ VP 198. Giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.486.866.548 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 127, diện tích 809.6m² tại địa chỉ: Thôn Đắc Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng. Số bìa AA 01878584 cấp 27.11.2025, số VP 199. Giá trị ghi sổ của QSDĐ là 6.704.186.064 VND.

Các Quyền sử dụng đất thời hạn sử dụng lâu dài nên không tính khấu hao.

11. Bất động sản đầu tư

a, Bất động sản đầu tư cho thuê

Là tài sản gắn liền với đất tại Thửa 17, lô LK6, KĐT ven sông Lạch Tray, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Chi tiết biến động của tài sản trong kỳ như sau.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Cộng
Số đầu năm	1.787.403.200	(183.506.739)	1.603.896.461
Khấu hao trong kỳ	-	(35.748.066)	(35.748.066)
Số cuối kỳ	<u>1.787.403.200</u>	<u>(219.254.805)</u>	<u>1.568.148.395</u>

b, Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

BĐST bao gồm các quyền sử dụng đất mà công ty đang nắm giữ chờ tăng giá. Cụ thể bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 06, tờ bản đồ số 23, địa chỉ xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CH001091, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 3.445.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 48, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn 1, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS05431, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 230.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 116, tờ bản đồ số 59, địa chỉ Thôn 3, xã Đắc Ha, Huyện Đắc Glong, Đắc Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CS450057, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.512.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa 12, lô BT- 42 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506327, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.444.062.500 VND

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa 2, lô BT 45 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506345, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.535.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 5, lô BT 33 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506237, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 12.292.312.500 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 7, lô BT 37 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506271, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 10.773.262.500 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 4, lô BT 34 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506244, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 5.535.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 2, lô BT 47 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 995031, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 6.649.380.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 3, lô BT 49 dự án khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở Công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506400, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.011.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 4, lô BT 36 dự án khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506260, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.147.325.000 VND

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 19, lô BT 49 Dự án Khu đô thị - Dịch vụ Thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ, xã Lê Lợi, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 506416, giá trị ghi sổ của QSDĐ là 7.195.500.000 VND

Các quyền sử dụng đất nêu trên đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

12. Phải trả người bán

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	53.680.081
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Phát Triển Năng Lượng	-	53.680.081
Thế Kỳ	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	1.251.691.647	949.765.427
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Năng Lượng	260.646.505	-
Thế Kỳ	-	-
Công ty Cổ phần PK Holding	150.378.434	160.928.070
Công ty TNHH Vận tải Thiên Phước	314.998.000	74.366.000
Các nhà cung cấp khác	525.668.708	714.471.357
Cộng	1.251.691.647	1.003.445.508

b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Hoàng Trọng	-	20.000.000.000
Cộng	-	20.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>7.464.265.590</i>	<i>13.142.615.979</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và TM Phụng Hoàng	3.462.206.405	7.593.347.561
Công ty TNHH TM Vật tư Xăng dầu Á Châu	-	1.675.000.000
Các khách hàng khác	4.002.059.185	3.874.268.418
Cộng	7.464.265.590	13.142.615.979

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	410.163.234	(429.453.549)	-	19.290.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.149.929.808	13.976.226.060	(1.761.794.221)	13.364.361.647	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.746.375	6.504.673	(3.773.434)	6.477.614	-
Các loại thuế khác	-	27.290.101	(27.290.101)	-	-
Cộng	1.153.676.183	14.420.184.068	(2.222.311.305)	13.370.839.261	19.290.315

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>163.144.475</i>	<i>283.236.702</i>
Chi phí lãi vay phải trả	163.144.475	283.236.702
Cộng	163.144.475	283.236.702

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	157.942.804.610	157.942.804.610	268.531.375.957	268.531.375.957
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (1)	42.055.200.000	42.055.200.000	46.829.000.000	46.829.000.000
Vay ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Hải Phòng (2)	18.843.000.000	18.843.000.000	45.223.775.957	45.223.775.957
Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (3)	23.440.000.000	23.440.000.000	61.694.600.000	61.694.600.000
Vay ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (4)	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng (5)	12.604.000.000	12.604.000.000	23.499.000.000	23.499.000.000
Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Phòng (6)	14.200.000.000	14.200.000.000	38.585.000.000	38.585.000.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (7)	45.200.000.000	45.200.000.000	45.200.000.000	45.200.000.000
Vay Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Chúng Việt Nam - Chi Nhánh Thái Bình (8)	1.600.604.610	1.600.604.610	-	-
Cộng	157.942.804.610	157.942.804.610	268.531.375.957	268.531.375.957

[1] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/10172436/HĐTD ngày 25/05/2026. Theo đó, hạn mức cấp tín dụng tối đa của Công ty là 100.000.000.000 VND, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng tối đa không quá ngày 31/05/2027, thời hạn và lãi suất cho vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp số 04/2018/10172436/HĐBĐ ký ngày 06/07/2018.
- Hợp đồng thế chấp số 02/2019/10172436/HĐBĐ ký ngày 21/01/2019.
- Hợp đồng thế chấp số 01/2020/10172436/HĐBĐ ngày 14/05/2020.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 04/2019/10172436/HĐBĐ ngày 23/05/2019.
- Hợp đồng thế chấp số 03/2020/10172436/HĐBĐ ngày 16/10/2020.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/10172436/HĐBĐ ngày 24/01/2022.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/10172436/HĐBĐ ngày 27/07/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 02/2022/10172436/HĐBĐ ngày 16/12/2022.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 06/2019/10172436/HĐBĐ ngày 13/12/2019.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 04/2019/10172436/HĐBĐ ngày 23/05/2019.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/10172436/HĐBĐ ngày 19/10/2021.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2023/10172436/HĐBĐ ngày 24/07/2023.
- Hợp đồng thế chấp số 01/2024/10172436/HĐBĐ ngày 28/05/2024.
- Hợp đồng thế chấp số 02/2024/10172436/HĐBĐ ngày 28/05/2024.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2026/10172436/HĐBĐ ngày 13/01/2026.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2026/10172436/HĐBĐ ngày 29/01/2026.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2026/10172436/HĐBĐ ngày 29/01/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

[2] Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 235354.25.253.2591654.TD ký ngày 30/07/2025. Giá trị hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ). Hạn mức cho vay là: 70.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức đến 22/07/2026. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu của Công ty cho giai đoạn 2025-2026. Thời hạn của mỗi khoản vay không quá 03 tháng. Lãi suất áp dụng là lãi suất cố định hoặc thả nổi, được quy định cụ thể tại Hợp đồng và văn bản nhận nợ. Nghĩa vụ vay được đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp số 26565.20.253.2591654.BĐ ngày 11/06/2020.
- Hợp đồng thế chấp số 726.21.253.2591654.BĐ ngày 06/01/2021.
- Hợp đồng thế chấp (của bên thứ 3) số 4702.21.253.2591654.BĐ ngày 25/01/2021.
- Hợp đồng thế chấp số 9817.21.253.2591654.BĐ ngày 26/02/2021.
- Hợp đồng thế chấp số 12758.21.253.2591654.BĐ ngày 16/03/2021.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản (của bên thứ 3) số 23177.21.253.2591654.BĐ ngày 06/05/2021.

[3] Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 36/2026-HĐCVHM/NHCT160-PETRO TIMES ngày 13/03/2026. Hạn mức cho vay không vượt quá 100.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức từ 13/03/2026 đến 13/03/2027. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm bằng các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 38/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 23/03/2022.
- Hợp đồng thế chấp số 51/2021/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 10/06/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp BĐS số 52/2021/SĐBSHĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ký 10/06/2021.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 44/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 27/04/2022.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 50/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 07/06/2022.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 43/2022/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 27/04/2022.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2023/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 12/01/2023.
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 61/2023/HĐBĐ/NHCT160-CNHP ngày 25/07/2023.
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 29/2025/HĐBĐ/NHCT160-CNHP06 ngày 21/05/2025.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 14/2026/HĐBĐ/NHCT160-PETROTIMES ngày 03/04/2026.

[4] Khoản vay Ngân hàng MTV SHINHAN Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SHBVN/HPB/2022/HDTD/641 ngày 13/07/2022, Phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số ngày 19/06/2023 và Thỏa thuận số 04 ngày 05/12/2023, hợp đồng gia hạn – sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 29/07/2025. Hạn mức tín dụng 7.500.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức 01 năm từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 12/07/2026, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay với mỗi khoản vay không quá 03 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp kèm theo.

[5] Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đông Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/VCB-PT ngày 28/10/2025. Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức 01 năm từ ngày ký hợp đồng tín dụng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay với mỗi khoản vay không quá 03 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Hợp đồng thế chấp TS 01/2025/HĐCCTG/VCB-PT ngày 29/10/2025.
- Hợp đồng thế chấp TS 02/2025/HĐCCTG/VCB-PT ngày 29/10/2025.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2025/HĐTC/VCB-PT ngày 05/12/2025.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2025/HĐTC/VCB-PT ngày 05/12/2025.

[6] Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Chi Nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay số CLC-39909-01 ngày 26/03/2025. Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VNĐ, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng. Mục đích cấp tín dụng là bổ sung vốn lưu động, phát hành LC UPAS nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan. Hạn mức không Tài sản bảo đảm tối đa 30 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp tài sản số CLC - 42168-5667429-HDTC-01 ngày 06/05/2025.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số CLC - 42168-5667429-HDTC02 ngày 06/05/2025.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số CLC - 42168-5667429-HDTC-03 ngày 06/05/2025.

[7] Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: VN124013327/WBVN302 ngày 02/10/2024 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 01/PLHĐCV-VN124013327/WBVN302 ngày 23/09/2025. Hạn mức cho vay là 12.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 02/10/2025 đến hết ngày 30/09/2026. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp kèm theo.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: VN125007482/WBVN302 ngày 31/07/2025. Hạn mức cho vay là 32.200.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 31/07/2025 đến hết ngày 30/07/2026. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp kèm theo.

[8] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 67/2026/HĐTD/PVB-TBH ngày 04/06/2026. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp kèm theo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	268.531.375.957	554.072.213.330	(664.660.784.677)	157.942.804.610
Cộng	268.531.375.957	554.072.213.330	(664.660.784.677)	157.942.804.610

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	181.899.880.000	(134.050.000)	15.488.338.113	197.254.168.113
Tăng vốn từ lợi nhuận	14.549.350.000	-	(14.549.350.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	4.628.607.576	4.628.607.576
Số dư cuối năm trước	196.449.230.000	(134.050.000)	5.567.595.689	201.882.775.689
Số dư đầu năm nay	196.449.230.000	(134.050.000)	5.567.595.689	201.882.775.689
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	55.852.369.276	55.852.369.276
Số dư cuối kỳ này	196.449.230.000	(134.050.000)	61.419.964.965	257.735.144.965

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Phạm Văn Kỳ	35.478.000.000	18,06%	35.478.000.000	18,06%
Bà Phạm Thị Ly	13.797.000.000	7,02%	13.797.000.000	7,02%
Các cổ đông khác	147.174.230.000	74,92%	147.174.230.000	74,92%
Cộng	196.449.230.000	100,00%	196.449.230.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.644.923	19.644.923
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	19.644.923	19.644.923
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.644.923	19.644.923
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.644.923	19.644.923
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.644.923	19.644.923
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND./.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.471.199.608.935	2.009.854.918.562
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	54.000.000
Cộng	<u>2.471.265.608.935</u>	<u>2.009.908.918.562</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	3.471.201.973	291.528.727
Giảm giá hàng bán	3.039.750	-
Cộng	<u>3.474.241.723</u>	<u>291.528.727</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.372.749.549.135	1.988.939.155.329
Giá vốn cho thuê văn phòng	35.748.066	35.748.066
Cộng	<u>2.372.785.297.201</u>	<u>1.988.974.903.395</u>

4. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	21.230.000.000	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	21.101.675.000	-
Lãi của hoạt động bán bất động sản đầu tư	<u>128.325.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	730.570.206	406.255.887
Lãi bán chứng khoán	-	3.342.000.000
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	441.000.000	-
Cộng	1.171.570.206	3.748.255.887

6. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.898.583.818	6.850.756.902
Chi phí mua bán chứng khoán	57.774.977	102.094.023
Lỗ bán chứng khoán	1.395.000.000	-
Cộng	10.351.358.795	6.952.850.925

7. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.175.891.583	1.900.336.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	604.915.122	633.536.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.530.213.350	5.578.982.192
Các chi phí khác	509.074.780	291.076.770
Cộng	11.820.094.835	8.403.931.969

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.389.484.578	1.246.727.157
Chi phí vật liệu quản lý	202.376.665	228.641.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.729.120	144.729.120
Thuế, phí và lệ phí	11.406.150	11.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.426.951.471	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.042.089.364	726.575.138
Các chi phí khác	36.343.940	-
Cộng	4.253.381.288	2.357.673.409

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	12.094.651	-
Chi phí khác	40.440.317	-
Cộng	52.534.968	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.828.595.336	6.676.286.024
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	52.534.968	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	52.534.968	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	69.881.130.304	6.676.286.024
Thu nhập tính thuế	69.881.130.304	6.676.286.024
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.976.226.060	1.335.257.205
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.976.226.060	1.335.257.205

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.852.369.276	5.341.028.819
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	55.852.369.276	5.341.028.819
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.644.923	19.644.923
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.843	272

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.644.923	18.189.988
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng vốn trả cổ tức	-	1.454.935
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.644.923	19.644.923

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.376.665	228.641.994
Chi phí nhân công	2.565.376.161	3.147.063.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	785.392.308	814.014.120
Chi phí dự phòng	1.426.951.471	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.583.708.864	6.316.557.330
Chi phí khác	545.418.720	291.076.770
Cộng	16.109.224.189	10.797.353.444

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh những giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ chi trả cổ tức bằng lợi nhuận	-	14.549.350.000
Bù trừ phải thu tiền hàng hóa và phải trả mua tài sản	20.282.789.300	-
Lãi nhập gốc hợp đồng tiền gửi	435.616.438	322.400.000
Cộng	20.718.405.738	14.871.750.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Văn Kỳ		
Thu tiền góp vốn	-	2.628.000.000
Thu lại tiền ký quỹ mượn tài sản đảm bảo	-	3.837.783.600
Bà Phạm Thị Ly		
Thu tiền góp vốn	-	1.022.000.000
Thu lại tiền ký quỹ mượn tài sản đảm bảo	-	1.435.725.900
Bà Hà Thị Kim Oanh – Vợ ông Phạm Văn Kỳ		
Thu lại tiền ký quỹ mượn tài sản đảm bảo	-	2.724.900.000
Ông Kiều Hữu Sang – Chồng bà Phạm Thị Ly		
Thu lại tiền ký quỹ mượn tài sản đảm bảo	-	4.573.350.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán không còn công nợ với bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Ngoài ra, Ông Phạm Văn Kỳ, bà Phạm Thị Ly, bà Hà Thị Kim Oanh, ông Kiều Hữu Sang, ông Phạm Văn Trọng và bà Phạm Thị Chi còn dùng thẻ tiết kiệm và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng. Cụ thể:

+ Thẻ tiết kiệm:

Thẻ tiết kiệm	Ngày phát hành	Đơn vị phát hành	Thuộc sở hữu	Giá trị
CA 50157895	27/10/2025	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hải Phòng	Ông Phạm Văn Kỳ	3.000.000.000 VND

+ Quyền sử dụng đất:

Số thửa đất	Diện tích	Địa chỉ	Thuộc sở hữu	Giá trị TSDB
Số 44, tờ bản đồ số 18	425,4 m ²	Thôn Linh Sơn, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Ông Phạm Văn Kỳ - Bà Hà Thị Kim Oanh	4.117.761.000 VND
Số 591, tờ bản đồ số 16	680,6 m ²	Xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	Ông Phạm Văn Kỳ	8.688.000.000 VND
Số 515, tờ bản đồ số 110	256 m ²	Phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Ông Phạm Văn Kỳ	8.285.581.562 VND
Số 449, Tờ bản đồ số 60	233 m ²	Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh	Ông Phạm Văn Kỳ	8.030.441.447 VND
Số 68	2.844,6 m ²	Xã Trung An, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Ông Kiều Hữu Sang	13.872.000.000 VND
Số 268B, tờ bản đồ số 16	58 m ²	Thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Ông Kiều Hữu Sang – Bà Phạm Thị Ly	1.624.000.000 VND
Số 884, tờ bản đồ số 10	1.573,9 m ²	Xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	Ông Kiều Hữu Sang	9.670.000.000 VND
Số 68	2.844,6 m ²	Xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	Ông Kiều Hữu Sang	13.779.000.000 VND
Số 565	1.377 m ²	Xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	Ông Kiều Hữu Sang	9.858.000.000 VND
Số 702, tờ bản đồ số 46	1.367,8 m ²	xã Tân Nhựt, Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	Ông Phạm Văn Kỳ	11.634.000.000 VND
Số 640	1.306,8 m ²	Xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	Ông Phạm Văn Kỳ - Bà Hà Thị Kim Oanh	7.051.000.000 VND
Số 268A, tờ bản đồ số 16	58 m ²	Thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Ông Phạm Văn Kỳ	1.624.000.000 VND
Số 56, tờ bản đồ số 05-2020	238,1 m ²	Số SB6.01 Khu đô thị Vinhomes Marina (Lô TT2-05/1 Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	Ông Phạm Văn Kỳ - Bà Hà Thị Kim Oanh	34.060.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số 943, tờ bản đồ số 7	47,9 m ²	Tổ 10, Phường Đằng Hải, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Ông Phạm Văn Trường – Bà Phạm Thị Chi	2.107.600.000 VND
---------------------------	---------------------	--	--	-------------------

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không còn số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Họ tên	Chức danh	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Phạm Văn Kỳ	Chủ tịch HĐQT	194.525.497	144.611.962
	Thành viên HĐQT kiêm		
Bà Phạm Thị Ly	Phó Tổng Giám đốc	146.104.081	106.748.429
Ông Hồ Văn Kiểm	Thành viên HĐQT	-	120.953.352
	Thành viên HĐQT		
Bà Nguyễn Thị Thà	kiêm Tổng Giám đốc	144.979.049	114.823.679
Bà Cao Thị Phương	Trưởng BKS	73.287.921	64.662.322
Bà Hồ Thị Hương	Thành viên BKS	171.093.895	-
Bà Phạm Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	124.790.458	92.277.911
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Người phụ trách quản trị	52.249.546	51.481.524
Cộng		907.030.447	695.559.180

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Năng lượng Thế Kỷ (từ ngày 03/02/2026 không còn là bên liên quan)	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	98.562.230	-
Trả tiền cung cấp dịch vụ	110.000.000	-
Phải thu tiền bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	12.993.519.420	-
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	10.737.000.000	-
Đặt cọc tiền mua cây xăng	-	10.000.000.000
Trả lại tiền cọc	-	10.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại thuyết minh số V.3 và V12./.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu thực hiện kinh doanh, buôn bán xăng dầu, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong Hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo Hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	157.942.804.610	-	-	157.942.804.610
Phải trả người bán	1.251.691.647	-	-	1.251.691.647
Các khoản phải trả khác	818.202.441	-	-	818.202.441
Cộng	160.012.698.698	-	-	160.012.698.698
Số đầu năm				
Vay và nợ	268.531.375.957	-	-	268.531.375.957
Phải trả người bán	1.003.445.508	20.000.000.000	-	21.003.445.508
Các khoản phải trả khác	292.236.702	-	-	292.236.702
Cộng	269.827.058.167	20.000.000.000	-	289.827.058.167

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.169.780.504	58.046.744.219	59.169.780.504	58.046.744.219
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.412.385.315	27.821.788.492	17.412.385.315	27.821.788.492
Phải thu khách hàng	139.671.324.947	83.254.410.074	139.671.324.947	83.254.410.074
Các khoản phải thu khác	35.005.000.000	14.056.915.316	35.005.000.000	14.056.915.316
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	14.700.000.000	-	14.700.000.000
Cộng	251.258.490.766	197.879.858.101	251.258.490.766	197.879.858.101
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	157.942.804.610	268.531.375.957	157.942.804.610	268.531.375.957
Phải trả người bán	1.251.691.647	21.003.445.508	1.251.691.647	21.003.445.508
Các khoản phải trả khác	818.202.441	292.236.702	818.202.441	292.236.702
Cộng	160.012.698.698	289.827.058.167	160.012.698.698	289.827.058.167

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.2, V.9, V.10, V.11 và V.16).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiền Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, chi tiết trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau trình bày lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	27.522.400.000	27.821.788.492
Phải thu ngắn hạn khác	135	14.356.303.808	14.056.915.316

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Phương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Chủ tịch HĐQT



Phạm Văn Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN PETRO TIMES

Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sơn Trang	Công nợ quá hạn trên 3 năm	455.122.000	(455.122.000)	Công nợ quá hạn trên 3 năm	535.122.000	(535.122.000)
Công ty TNHH Hàng hải An Tâm	Công nợ quá hạn trên 3 năm	1.375.686.156	(1.375.686.156)	Công nợ quá hạn trên 3 năm	1.375.686.156	(1.375.686.156)
CN Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Xăng dầu Hoàng Anh tại Vĩnh Phúc	Công nợ khó có khả năng khu hồi	387.999.999	(387.999.999)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	387.999.999	(387.999.999)
Công ty TNHH Nhiên Liệu Thành Nam	Công nợ khó có khả năng khu hồi	429.204.800	(429.204.800)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	439.204.800	(439.204.800)
Công ty TNHH Tiếp Vận Hà Thành	Công nợ khó có khả năng khu hồi	210.274.080	(210.274.080)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	210.274.080	(210.274.080)
Công ty TNHH Vận Tải Xuân Thùy	Công nợ khó có khả năng khu hồi	794.700.950	(794.700.950)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	794.700.950	(794.700.950)
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Vận Tải T&H	Công nợ khó có khả năng khu hồi	325.351.520	(325.351.520)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	575.351.520	(575.351.520)
Công ty TNHH Mtv Dịch Vụ Thương Mại Quang Đông	Công nợ khó có khả năng khu hồi	1.462.227.202	(1.462.227.202)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	1.462.227.202	(1.462.227.202)
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 515.9	Công nợ khó có khả năng khu hồi	800.000.000	(800.000.000)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	800.000.000	(800.000.000)
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thái Sơn Thư	Công nợ khó có khả năng khu hồi	378.000.000	(378.000.000)	Công nợ khó có khả năng khu hồi	378.000.000	(378.000.000)
Công ty Cổ phần Vũ Quang	Công nợ khó có khả năng khu hồi	419.616.746	(419.616.746)			
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Daka	Công nợ quán hạn từ 6 tháng đến 1 năm	1.841.243.310	(552.372.993)			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phúc Lộc Ph	Công nợ quán hạn từ 6 tháng đến 1 năm	1.474.276.600	(442.282.980)			
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khai Nam	Công nợ quán hạn từ 6 tháng đến 1 năm	429.904.000	(128.971.200)			
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cương Duyên	Công nợ quán hạn từ 6 tháng đến 1 năm	419.197.400	(125.759.220)			
Công ty TNHH Thu Thắng TT Cộng	Công nợ quán hạn từ 6 tháng đến 1 năm	326.494.440	(97.948.332)			
		11.529.299.203	(8.385.518.178)		6.958.566.707	(6.958.566.707)

